

Số: /2022/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 1

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục từ năm học 2022-2023 tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA, KỶ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông (kể cả bổ túc văn hoá) công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm học 2022-2023.

NỘI DUNG	Mức thu học phí theo địa điểm trường (nghìn đồng/học sinh/tháng)			
	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	300	300	300	320
Nông thôn	200	200	210	230
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	100	100	140	160

Quy định mức thu của giáo dục tiểu học làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí.

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 80% mức thu trên. Đối với học sinh học trực tuyến từ 13 ngày/tháng trở lên sẽ thu học phí theo mức thu học phí theo hình thức trực tuyến.

Điều 2. Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ
2. Các khoản thu hỗ trợ hoạt động giáo dục

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Mức thu cụ thể được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường và phụ huynh theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và quy định cơ chế thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập và tổ chức thực hiện Nghị quyết này từ năm học 2022-2023.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XIX, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày... tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng 08 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT.HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRƯỜNG MẦM NON VÀ PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH BẮC GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
A	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ		
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ không quy định mức thu		
1	Dịch vụ tuyển sinh		Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
	- Xét tuyển	Học sinh/đợt xét	
	- Thi tuyển sinh	Học sinh/kỳ thi	
2	Điện sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
3	Đưa đón học sinh	Học sinh/tháng	Theo thực tế
4	Cung ứng sách giáo khoa	Học sinh/năm học	Giá sách theo giá bìa
5	Dịch vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền	Học sinh/năm học	Theo thực tế
6	Sát hạch và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Học sinh/kỳ thi	Theo công bố giá dịch vụ hàng năm của đơn vị
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ quy định mức thu		
1	Trông giữ xe:		
	- Xe đạp, xe đạp điện	Xe/tháng	15
	- Xe máy điện, xe máy	Xe/tháng	40
	- Ô tô	Xe/buổi	5
2	Ăn, ở bán trú:		
	- Tiền ăn	Học sinh/ngày	30
	- Thuê người nấu ăn, phục vụ	Học sinh/tháng	130
	- Quản lý học sinh ăn ở bán trú	Học sinh/tháng	170
3	Dạy thêm theo hình thức trực tiếp:		
	- Dạy thêm các môn văn hóa	tiết/học sinh	10
	- Dạy kỹ năng sống; nghệ thuật; thể dục thể thao; ngoại ngữ, tin học	tiết/học sinh	10
	- Dạy Ngoại ngữ của giáo viên người nước ngoài	tiết/học sinh	30
4	Dạy Ngoại ngữ tự chọn lớp 1, lớp 2	tiết/học sinh	10
5	Dạy Ngoại ngữ đối với trẻ mầm non	tiết/trẻ	10
6	Nhà ở ký túc xá	Học sinh/tháng	180

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa
7	Đồng phục:	Học sinh/năm học	
	- Áo cộc tay	Chiếc	120
	- Áo dài tay	Chiếc	130
	- Áo khoác mùa đông	Chiếc	220
	- Bộ Thẻ dục thể thao và đồng phục Mầm non, Tiểu học	Bộ	180
8	Hoạt động trải nghiệm ngoài chương trình chính khoá của nhà trường; Tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong trường phổ thông	Học sinh/năm học	360
9	Dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số nâng cao chất lượng dạy và học	Học sinh/tháng	20
B	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC		
1	Vệ sinh trường học	Học sinh/tháng	17
2	Nước uống	Học sinh/tháng	7
3	Tổ chức thi khảo sát, thi thử, luyện kỹ năng làm bài thi:		
	Thi tự luận	Môn thi/lần thi	20
	Thi trắc nghiệm	Môn thi/lần thi	11
	Thi kết hợp tự luận và trắc nghiệm	Môn thi/lần thi	15
4	Thẻ học sinh	Học sinh/năm học	30
5	Đồ dùng bán trú:		
	- Trang bị đầu cấp	Học sinh/cấp học	450
	- Trang bị hàng năm	Học sinh/năm học	120
6	Đồ dùng, dụng cụ, tài liệu	Học sinh/năm học	360
7	Hỗ trợ tu sửa cơ sở vật chất, thuê, mua thiết bị dạy học	Học sinh/năm học	240